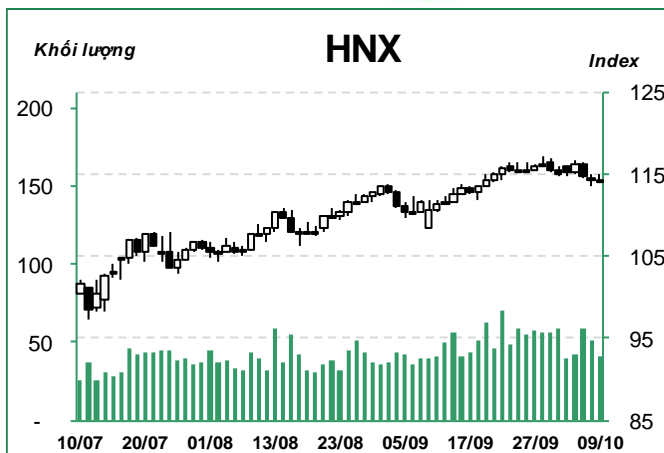
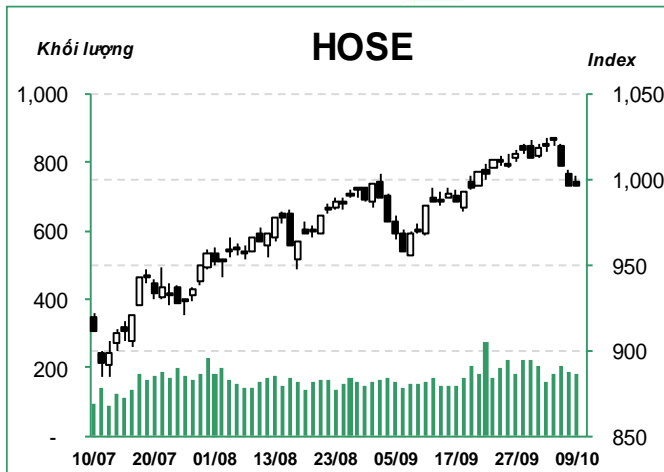


Tổng quan thị trường

09/10/2018	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	996.19	0.01%	967.37	-0.30%	114.30	-0.07%
Cuối tuần trước	1,017.13	-2.06%	994.73	-2.75%	116.28	-1.70%
Trung bình 20 ngày	1,004.56	-0.83%	975.91	-0.88%	114.68	-0.33%
Tổng KLGD (triệu cp)	200.56	-2.41%	73.93	-5.86%	43.98	-18.11%
KLGD khớp lệnh	178.95	-3.76%	63.82	-10.50%	41.01	-19.33%
Trung bình 20 ngày	189.20	-5.42%	65.14	-2.03%	52.16	-21.37%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	4,317.37	-15.30%	2,392.11	-16.12%	646.07	-11.88%
GTGD khớp lệnh	3,546.69	-14.59%	1,909.64	-16.76%	570.45	-18.22%
Trung bình 20 ngày	4,234.59	1.95%	2,247.04	6.46%	717.72	-9.98%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	127	37%	11	37%	84	22%
Số mã giảm	161	46%	15	50%	59	16%
Số mã đứng giá	59	17%	4	13%	231	62%



Thị trường đóng cửa gần như không thay đổi khi áp lực giảm co xuất hiện. Sự phân hóa xuất hiện rõ nét trên các nhóm ngành dẫn dắt, với sự dẫn dắt của nhóm dầu khí. Ở chiều ngược lại, nhịp điều chỉnh của nhóm thực phẩm & đồ uống cùng nhóm ngân hàng phân hóa làm gia tăng áp lực lên chỉ số. Thanh khoản bất ngờ sụt giảm cho thấy tâm lý khá thận trọng của nhà đầu tư sau 2 phiên giảm điểm trước đó.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 996.19 điểm (+0.01%), với KLGD khớp lệnh đạt 179.0 triệu cổ phiếu (-3.8%), tương đương 3,547 tỷ đồng giá trị (-14.6%).

Trong phiên giao dịch ngày hôm nay, nhóm cổ phiếu dầu khí GAS (+2.4%), PLX (+0.4%), PVD (+4.4%) có phiên hồi phục tích cực sau khi chịu áp lực chốt lời trong các phiên trước đó. Ngược lại, áp lực điều chỉnh vẫn còn hiện diện ở nhóm thực phẩm đồ uống VNM (-1.6%), MSN (-2%), KDC (-1.1%), trong khi đó các cổ phiếu ngành ngân hàng cho thấy tín hiệu phân hóa khá rõ nét TCB (+1.4%), VCB (+0.2%), MBB (-2.9%).

Về diễn biến giao dịch của khối ngoại, khối gia tăng bán ròng trên sàn HOSE, đạt giá trị 102.7 tỷ đồng (+8.9%), lực bán tập trung chủ yếu ở VNM (-54.6 tỷ), VIC (-42.5 tỷ), AAA (-26.2 tỷ). Ở chiều ngược lại GEX (+14.3 tỷ), KBC (+12.0 tỷ), MSN (+11.0 tỷ) là các cổ phiếu được mua ròng nhiều.

Sàn Hà Nội cũng có diễn biến tương tự khi đóng cửa sát mức tham chiếu. Chốt phiên, HNX-Index đóng cửa tại mức 114.30 điểm (-0.07%), với KLGD khớp lệnh đạt 41.0 triệu cổ phiếu (-19.3%), tương đương 570.4 tỷ đồng giá trị (-18.2%).

Nhóm dầu khí cũng là trụ đỡ chính cho chỉ số PVS (+2.2%), PVC (+2.5%), PVB (+2.3%). Ngược lại nhóm ngành xây dựng VCG (-4.6%), CTB (-9.1%), SDU (-7.6%) và nhóm ngân

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
NVL	3,817.8	235.67
VND	4,000.0	86.00
SBT	3,800.0	74.10
HPG	988.1	39.61
VJC	300.0	39.30
MSN	323.6	28.97
PNJ	200.0	22.82
VNM	151.8	20.00
SAM	2,032.4	15.39
DRH	872.0	12.64
HNX		
VCS	376.0	30.64
NAP	1,156.6	11.68
DL1	300.0	9.90
ACB	200.1	7.40
VC3	330.0	6.04
DP3	50.1	3.89
TTH	337.1	1.28
CTB	32.5	0.94
SHS	50.0	0.85
VIX	90.3	0.77

hàng NVB (-1.1%), SHB (-1.1%) cùng có diễn biến không mấy lạc quan.

Khối ngoại đảo chiều mua ròng nhẹ trên sàn Hà Nội, đạt giá trị 2.6 tỷ đồng, lực mua xuất hiện ở các mã như PVS (+13.8 tỷ), VCS (+1.2 tỷ), CEO (+1.2 tỷ). Trái lại, khối này bán ròng các mã ACB (-10.3 tỷ), SHS (-2.4 tỷ), PVB (-1.1 tỷ)

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm nhẹ trở lại. Khối lượng giao dịch suy giảm và duy trì dưới mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền đang có sự thận trọng nhất định. Không những vậy, chỉ số vẫn đang đóng cửa dưới MA20, kèm theo +DI cắt xuống -DI cho thấy áp lực điều chỉnh có thể là vẫn còn. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác cũng đang cho tín hiệu tiêu cực, như MACD cắt xuống đường Signal cho tín hiệu bán ngắn hạn và RSI đi xuống vùng 47 cho thấy động lực phục hồi đang suy giảm, do đó, không loại trừ chỉ số có thể sẽ điều chỉnh về thử thách vùng hỗ trợ 985 điểm (MA50). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến kém tích cực hơn. Chỉ số có phiên giảm điểm thứ 3 liên tiếp và duy trì đóng cửa dưới MA20, kèm khối lượng giao dịch suy giảm cho thấy áp lực điều chỉnh ngắn hạn đang mạnh dần lên. Ngưỡng hỗ trợ hiện tại có thể là vùng 113.6 điểm (vùng đỉnh cũ tháng 8/2018). Nhìn chung, áp lực điều chỉnh của thị trường vẫn còn, thị trường có thể sẽ lùi về các ngưỡng hỗ trợ thấp hơn. Do đó, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng danh mục ở mức hợp lý, đồng thời quan sát thị trường thận trọng nhằm phản ứng kịp thời với các kịch bản bất ngờ.

Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SGT	5.4	6.5	7.0%
SVT	6.0	0.0	7.0%
BTT	34.8	0.1	6.9%
C47	18.7	115.0	6.9%
CLG	2.8	34.6	6.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TTF	4.4	1,720.7	-7.0%
SII	20.0	0.2	-7.0%
HVG	7.6	149.5	-7.0%
DAT	26.1	0.0	-7.0%
DTA	7.4	0.0	-7.0%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MBB	23.1	300.0	-3.0%
STB	13.6	265.5	-2.2%
HPG	41.0	152.6	-0.5%
FLC	5.7	128.2	-5.1%
MWG	129.5	106.8	1.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	5.7	21,845.2	-5.1%
STB	13.6	19,464.6	-2.2%
MBB	23.1	12,851.2	-3.0%
HSG	13.2	6,799.8	-1.1%
DLG	2.5	4,532.2	-4.6%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DPS	0.9	379.9	12.5%
TMX	11.0	0.1	10.0%
SRA	39.1	11.7	9.8%
PSE	9.0	0.2	9.8%
SGH	49.7	0.4	9.7%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.8	87.5	-11.1%
SDG	29.1	0.1	-9.9%
C69	4.6	7.4	-9.8%
ART	7.5	5,907.1	-9.6%
VSM	10.9	9.5	-9.2%

Top 5 giá trị

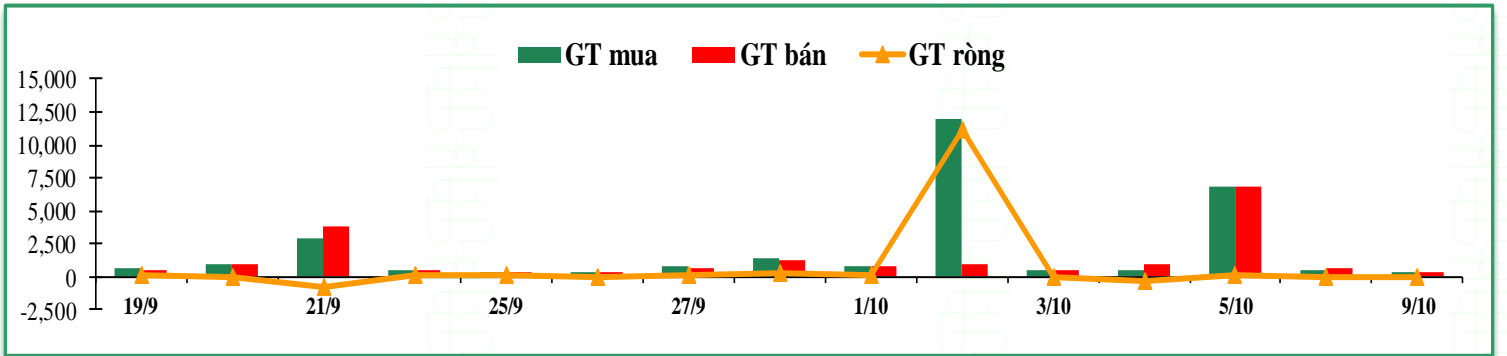
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	33.7	101.6	0.0%
PVS	23.2	68.5	2.2%
VCG	18.8	68.4	-4.6%
VCS	83.0	59.4	1.8%
SHB	8.7	45.5	-1.1%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ART	7.5	5,907.1	-9.6%
SHB	8.7	5,182.9	-1.1%
VCG	18.8	3,452.2	-4.6%
ACB	33.7	3,010.0	0.0%
PVS	23.2	2,969.8	2.2%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	282.0	8.0%	384.7	10.8%	-102.7
HNX	19.2	3.4%	16.7	2.9%	2.6
Tổng số	301.3		401.4		-100.1



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MSN	88.0	43.9	-2.0%
HPG	41.0	39.8	-0.5%
VNM	130.9	28.8	-1.6%
PNJ	108.6	21.4	1.8%
VIC	96.6	20.7	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	130.9	83.3	-1.6%
VIC	96.6	63.2	0.0%
HPG	41.0	62.3	-0.5%
MSN	88.0	32.9	-2.0%
AAA	16.4	26.2	-2.4%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
GEX	28.3	14.3	-2.6%
KBC	13.3	12.0	-1.1%
MSN	88.0	11.0	-2.0%
SBT	20.6	9.7	1.0%
BID	36.1	7.1	0.3%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	23.2	14.0	2.2%
SHB	8.7	1.3	-1.1%
VCS	83.0	1.3	1.8%
CEO	13.6	1.2	-0.7%
ART	7.5	0.4	-9.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	33.7	10.3	0.0%
SHS	15.8	2.4	0.0%
PVB	22.4	1.1	2.3%
VHL	35.0	0.5	6.1%
SHB	8.7	0.4	-1.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	23.2	13.8	2.2%
VCS	83.0	1.2	1.8%
CEO	13.6	1.2	-0.7%
SHB	8.7	0.9	-1.1%
ART	7.5	0.3	-9.6%

Tin trong nước

Tin doanh nghiệp niêm yết

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Lý Do
1	C32	Chốt lời	10/10/2018	29.8	28.9	3.3%	32.8	13.7%	27.3	-5.4%	Xu hướng yếu đi
2	SHB	Chốt lời	10/10/2018	8.7	8.6	1.2%	10.0	16.3%	8.2	-4.7%	Xu hướng điều chỉnh quay trở lại
3	VPB	Cắt lỗ	10/10/2018	25.2	26.3	-4.2%	30.2	14.8%	25.0	-4.9%	Chạm ngưỡng cắt lỗ

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Lý Do
1	VSC	Nắm giữ	27/7/2018	44.95	33.40	34.6%	47.6	43%	32.1	-4%	Nâng giá mục tiêu lên 47.6 ngàn
2	BMP	Nắm giữ	31/8/2018	66.60	54.20	22.9%	70.5	30%	52.4	-3%	
3	GAS	Nắm giữ	31/8/2018	119.30	105.00	13.6%	130.0	24%	100.0	-5%	
4	VGT	Nắm giữ	10/9/2018	12.90	10.20	26.5%	14.8	45%	9.3	-9%	
5	HPG	Mua	12/9/2018	41.00	40.00	2.5%	44.4	11%	38.0	-5%	
6	NT2	Mua	13/9/2018	26.40	25.70	2.7%	27.8	8%	24.8	-4%	Điều chỉnh giá sau chia tách
7	TCB	Nắm giữ	13/9/2018	29.75	25.20	18.1%	32.0	27%	24.5	-3%	Giá đi theo kịch bản khuyến nghị ngày 13/09/2018
8	REE	Mua	20/9/2018	37.00	36.20	2.2%	38.0	5%	35.1	-3%	
9	IDI	Mua	25/9/2018	13.40	13.25	1.1%	15.4	16%	12.7	-4%	
10	VRE	Mua	25/9/2018	39.30	39.85	-1.4%	45.0	13%	37.5	-6%	
11	BMI	Mua	27/9/2018	23.30	24.40	-4.5%	27.4	12%	22.7	-7%	
12	QNS	Mua	4/10/2018	41.60	40.60	2.5%	44.5	10%	39.0	-4%	
13	GEX	Mua	5/10/2018	28.25	29.50	-4.2%	32.5	10%	28.2	-4%	
14	GMD	Mua	5/10/2018	28.15	27.70	1.6%	29.7	7%	26.4	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2018E (tỷ)	EPS 2018E	BV 2018E	ROE 2018E	ROA 2018E	PE 2018E	PB 2018E	Cổ tức dự kiến**
VNM (New)	HOSE	130,900	160,172	27/09/2018	11,192	6,427	20,487	44%	31%	24.9	7.8	50%
VCB (New)	HOSE	61,700	67,701	26/09/2018	13,859	3,852	18,162	23%	1%	16.7	3.6	108%
HPG (New)	HOSE	41,000	46,600	18/09/2018	9,172	4,318	18,520	26%	15%	10.8	2.5	N/A
DBC (New)	HNX	29,500	31,100	31/08/2018	284	3,429	32,647	11%	4%	7.0	0.7	10%
DRC (New)	HOSE	25,800	31,100	27/08/2018	273	2,295	12,012	28%	15%	21.5	2.5	25%
SBT (New)	HOSE	20,600	25,137	22/08/2018	775	1,392	16,110	10%	4%	18.0	1.5	6%
HDG (New)	HOSE	38,900	32,700	15/08/2018	582	3,630	15,976	26%	6%	9.2	2.1	N/A
OIL	HOSE	17,400	16,354	14/08/2018	753	692	9,541	8%	3%	24.0	1.7	N/A
NVL	HOSE	64,900	58,130	07/08/2018	2,886	3,094	16,190	16%	7%	18.4	3.5	N/A
TCM	HOSE	29,800	26,417	01/08/2018	226	4,163	30,101	20%	7%	6.3	0.9	10%
GMD	HOSE	28,150	25,174	30/07/2018	1,961	6,733	20,593	32%	18%	3.7	1.2	80%
NLG	HOSE	32,800	37,135	27/07/2018	748	2,884	19,305	19%	10%	10.4	1.5	5%
PPC	HOSE	19,400	21,136	18/07/2018	1,184	2,812	17,917	21%	15%	7.5	1.2	25%
MSN	HOSE	88,000	80,800	16/07/2018	3,971	3,414	17,461	19%	6%	24.0	4.6	N/A
VSC	HNX	44,950	50,500	05/07/2018	264	4,725	31,579	16%	9%	10.6	1.6	20%
PNJ	HOSE	108,600	94,447	05/07/2018	895	5,519	28,179	25%	18%	17.0	3.0	18%
DHG	HOSE	91,500	106,113	19/06/2018	676	5,751	24,796	25%	17%	21.0	4.3	30%
AAA	HOSE	16,400	22,162	14/06/2018	333	1,993	20,135	15%	6%	11.0	1.1	15-20%
HSG	HOSE	13,150	10,700	14/06/2018	854	2,441	15,461	15%	4%	4.3	0.7	10%
GAS	HOSE	119,300	110,300	05/06/2018	11,463	5,953	24,552	25%	17%	18.5	4.5	40%
DXG	HOSE	28,850	34,600	05/06/2018	1,211	2,447	12,212	26%	12%	13.0	2.6	20%
NKG	HOSE	14,500	21,445	29/05/2018	542	2,555	16,977	17%	7%	5.7	0.9	10%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.